

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỀU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **05 /2021/ HSST**
Ngày 27/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Ông Nguyễn Công Chi**

Bà **Trương Thị Mỹ Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có: Ông Trần Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/ HSST ngày 15 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Kế V - Sinh năm: 19/8/1990, tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 3, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12. Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Kế C (Sn: 1965) và bà: Ngô Thị Thanh T (Sn: 1969);

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 04/11/2015, bị Tòa án nhân dân quận T1, TP. Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo Bản án số 150/2015/HSST, chấp hành án xong ngày 28/4/2017.

Bị cáo bị truy nã, phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Kontum bắt ngày 03/11/2020. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an quận L, có mặt.

- Bị hại: Anh Phạm Văn K – sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: Thôn 3, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: K184 N1, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, vắng mặt, không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Hoàng M – sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn S, xã H1, huyện H2, TP. Đà Nẵng, vắng mặt, không có lý do.

+ Anh Trần Anh K1 – sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 06, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, vắng mặt, không có lý do.

+ Bà Nguyễn Thị H3 - sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 08 N2, tổ 60, phường H4, quận C1, TP. Đà Nẵng, vắng mặt, không có lý do.

+ Ông Nguyễn Gia T2 – sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 151, phường T1 Tây, quận T1, TP. Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: 852 T3, phường H5, quận L, TP. Đà Nẵng, vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11h00' ngày 16/5/2020, anh Phạm Văn K đang ở phòng trọ, kiệt 184 N1, tổ 4, P. H, Q. L, TP. Đà Nẵng thì Nguyễn Kế V đến hỏi mượn xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh xám, BKS 43K1-28974 để đi lấy đồ rồi về trả. Anh K tin tưởng nên đồng ý giao xe cho V. Tuy nhiên, mục đích mượn xe của V là để chiếm đoạt, mang xe đi cầm cố lấy tiền, tiêu xài cá nhân. V đem xe này đến nhà anh Trần Anh K1 để lại làm tin và vay số tiền 6.000.000đ. Đến 16h30' cùng ngày, V gọi điện thoại cho anh K nói dối xe mô tô bị công an giữ vì không có giấy tờ xe. Hai ngày sau, V tiếp tục gọi điện cho anh K hỏi mượn giấy tờ xe để đi lấy xe về trả. Anh K tin tưởng nên đồng ý đưa Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô BKS 43K1-28974. Ngày 19/5/2020, V đem xe mô tô nêu trên cùng giấy tờ xe đến Dịch vụ cầm đồ T4 để cầm, chủ cửa hàng cầm đồ là chị Nguyễn Thị H3 đồng ý nhận cầm với số tiền 10.000.000đ. V nhận tiền, trả lại tiền cho K1, số tiền còn lại dùng để tiêu xài cá nhân. Ngày 25/5/2020, V đến Dịch vụ cầm đồ T4 thỏa thuận lấy lại xe, đi cầm ở chỗ khác. Sau đó, V mang xe đến Dịch vụ cầm đồ T5, chủ tiệm là anh Nguyễn Gia T2 đồng ý cầm với giá 15.000.000đ. V nhận tiền, trả lại cho chị H3, số tiền còn dư V dùng để tiêu xài cá nhân. Sau đó, V còn đến Dịch vụ cầm đồ T5 hai lần nữa để lấy thêm tiền cầm xe, tổng cộng 3.000.000đ rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 28/5/2020, sau nhiều lần liên hệ với V, đòi lại xe nhưng không được, anh K đến trình báo sự việc tại Công an phường H. Ngày 03/11/2020, Nguyễn Kế V bị phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Kontum bắt truy nã.

Theo Kết luận định giá số 50/KL-HĐĐG ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận L: Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh xám, BKS 43K1-28974, số máy: G3D4E267129, số khung: 0610GY254218.

- 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 008558, cấp ngày 29/6/2016 của xe mô tô BKS 43K1-28974.

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số: 201614894, ghi tên Nguyễn Kế V, do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/8/2014.

- 01 (một) phiếu cầm cố kiêm hợp đồng của dịch vụ cầm đồ T5.

Ngày 19/10/2020, Cơ quan CSĐT Công an quận L đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 59/CSĐT, trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh xám, BKS 43K1-28974, 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe mô tô cho chủ sở hữu là anh Phạm Văn K.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Kế V về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Kế V từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Kế V nói lời sau cùng với nội dung: Vì lý do túng quẫn nợ nần nhiều người ngoài xã hội nên bị cáo đã đánh lừa bạn để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thấy hành vi của mình là sai trái, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Do không có tiền trả nợ nên bị cáo V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hiệu Exciter, màu xanh xám, BKS 43K1-28974 của anh Phạm Văn K bằng hàng loạt các hành vi gian dối nhằm đánh lừa đối với người bị hại như, dựa vào lòng tin do quen biết từ trước nên bị cáo V đã mượn xe nói trên của K nói dối với mục đích sử dụng việc cá nhân. Sau khi tiếp cận được tài sản, ngay lập tức, bị cáo V mang xe đưa cho K1 để làm tin, mượn của K1 4.000.000 đồng; Tiếp tục nói dối với anh K xe bị Công an giao thông bắt giữ để anh K tin tưởng, giao giấy tờ xe cho bị cáo nhằm tiếp tục mang xe mô tô nói trên cầm cố lần lượt hai tiệm cầm đồ T4 và T5. Sau đó, bỏ trốn khỏi địa phương. Theo kết luận định giá tài sản, giá trị xe mô tô bị chiếm đoạt là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo V đã cấu thành tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang và ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định trật tự trị an tại địa bàn quận L. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2015, bị Tòa án nhân dân quận T1, TP. Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành án xong ngày 28/4/2017. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Do đó phải xét xử bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, về cơ bản có ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, trong vụ án này, đối với Nguyễn Thị H3, Nguyễn Gia T2 là chủ cửa hàng cầm đồ, đã có hành vi nhận cầm cố tài sản nhưng không có giấy tờ sở hữu của người mang tài sản đi cầm cố nên Công an quận L đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 55/QĐ-XPVPHC và số 56/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2020 là đúng quy định.

Đối với anh Phạm Văn K đã có hành vi mua xe mô tô nhưng không làm thủ tục đăng ký chuyển tên chủ sở hữu theo quy định, Công an quận L ra Quyết định xử phạt hành chính số 54/QĐ-XPVPHC ngày 26/11/2020 là có cơ sở.

[4] Về Xử lý vật chứng:

- Quy trữ tại hồ sơ vụ án 01 (một) phiếu cầm cố kiêm hợp đồng của dịch vụ cầm đồ Thái Tuấn.

- Trả lại 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số: 201614894, ghi tên Nguyễn Kế V, do Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/8/2014 cho bị cáo Vũ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn K đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm. Riêng anh Nguyễn Gia T2 yêu cầu Nguyễn Kế V trả lại số tiền 18.000.000đ. Đây là số tiền anh T2 giao cho bị cáo V sau khi V cầm cố xe mô tô cho anh T2. Hiện nay, anh K đã trao trả xe mô tô bị V chiếm đoạt cho người bị hại nên căn cứ vào quy định tại Điều 589 BLDS buộc bị cáo V có nghĩa vụ phải trả lại cho anh T2 18.000.000 đồng.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kế V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kế V 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 11 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 BLDS; Buộc bị cáo Nguyễn Kế V phải có nghĩa vụ thực hiện trả cho anh Nguyễn Gia T2 số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Kế V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an quận L;
- Nhà tạm giữ CAQ L;
- Chi cục THA. quận L;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Vinh